TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Ngọ
2. Bà Vũ Thị Nữ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Quý– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1980, vắng mặt
(Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1971, vắng mặt
(Anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Mạnh C tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 27/7/2000 (Giấy đăng ký số 26/2000). Sau khi đăng ký kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn cãi vả bất hòa trong gia đình rồi anh C bỏ đi khỏi địa phương, đến năm 2012 thì không liên lạc được nữa. Năm 2017 chị N làm đơn yêu cầu tuyên bố anh C mất tích và ngày 11/7/2017 Tòa án nhân dân huyện H ban hành

Quyết định số 02/2017/QĐVDS–DT tuyên bố một người mất tích đối với anh C. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn nên chị xin ly hôn với anh C

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bùi Duy H, sinh ngày 20/6/1999 và Nguyễn Bùi Châu Hoài T, sinh ngày 22/11/2001. Hiện nay cháu T đang ở với chị và có nguyện vọng được ở với chị sau khi anh, chị ly hôn, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu T; không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Mạnh C vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng. Về tài sản, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mạnh C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất hòa dẫn đến cãi vả lẫn nhau rồi anh C bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 18/4/2017 Tòa án nhân dân huyện H bàn hành Quyết định số 01/2017/QĐVDS–ST tuyên bố một người mất tích đối với anh C. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh C. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho chị N và anh C ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung*: Chị N và anh C có 02 con chung. Cháu H đã thành niên và có khả năng lao động còn cháu T chưa thành N đang ở với chị N và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về chia tài sản và nợ*: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5].*Về án phí*: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật

phí và lệ phí; Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mạnh C

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Bùi Châu Hoài T, sinh ngày 22/11/2001 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng**,** không yêu cầu anh Nguyễn Mạnh C cấp dưỡng. Anh C có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai số 0016440 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phú Phước